

Số: 07/2021/NQ- HĐND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 165/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017; Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2021. *ly*

Nơi nhận: *ta*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *thul*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ- HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là ngân sách cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội;
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao;
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đảm bảo mục tiêu quan trọng về ngân sách theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

2. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, kéo dài sang 2021 và sửa đổi, bổ sung, khắc phục những tồn tại, bất cập để đảm bảo mỗi cấp ngân sách được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể phù hợp với phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội.

3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi có gắn liền với vai trò, trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khai thác tối đa nguồn thu, khuyến khích tăng thu tạo quyền chủ động cho chính quyền cấp cơ sở. Hạn chế phân chia nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp ngân sách, để tập trung nguồn lực và sử dụng nguồn thu hiệu quả.

4. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương để thực hiện các chủ trương lớn, nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bổ sung cân đối ngân sách và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp; ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách theo quy định này không thay đổi trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022; hằng năm, căn cứ khả năng của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% *(bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế)*, gồm:

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu;

b) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;

c) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế quản lý thu;

d) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế quản lý thu;

đ) Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Cục Thuế quản lý thu;

e) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

g) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do cấp tỉnh cấp phép;

h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện

nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

i) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục Thuế quản lý thu; Các khoản lệ phí (*không bao gồm lệ phí trước bạ*) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

k) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

l) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức do Cục Thuế quản lý thu;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

p) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

q) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

r) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

s) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

t) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý;

u) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

v) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế tài nguyên;

b) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

c) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

d) Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Chi cục Thuế quản lý thu;

đ) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp huyện quản lý thu, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

e) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Chi cục Thuế thu; Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;

g) Lệ phí trước bạ (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất);

h) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

i) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước đối với cá nhân do Chi cục Thuế quản lý thu;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp huyện thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

m) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do người có thẩm quyền cấp huyện quyết định xử lý;

n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện;

o) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

p) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp huyện quản lý;

q) Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

5. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý;

b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định;

c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;

d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp

theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

l) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã:

a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý).

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

Đơn vị: %

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu			Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản				
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
2	Các huyện còn lại			100	
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu			Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
2	Các huyện còn lại			100	
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
2	Các huyện còn lại			100	
IV	Thu tiền sử dụng đất				
1	Đối với khoản thu tiền sử dụng đất từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện: giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất không qua đấu giá; chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất (sau khi trừ các chi phí hợp lý phục vụ cho việc thu hồi để giao đất).				
a	Thành phố, Ba Bể	10	90		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ (1)
b	Các huyện còn lại		100		
2	Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước				
a	Thu từ quỹ đất hai bên đường được tạo bởi các dự án đầu tư đường giao thông bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh; nguồn vốn ngân sách trung ương hoặc nguồn vốn ngân sách tỉnh lồng ghép nguồn ngân sách huyện, trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh chiếm từ 70% trở lên (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách tỉnh).	30	70		
b	Thu từ quỹ đất được tạo bởi các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách huyện, hoặc nguồn vốn ngân sách huyện lồng ghép nguồn ngân sách tỉnh, trong đó nguồn vốn ngân sách huyện chiếm từ 30% trở lên (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách huyện).	10	90		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ (1)

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu			Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
3	Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau khi trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định) được tính là 100% và phân chia cho ngân sách cấp tỉnh, huyện như sau				
a	Dự án trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn và huyện Ba Bể	50	50		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ ⁽¹⁾
b	Dự án trên địa bàn các huyện còn lại	30	70		

3. Cơ quan Thuế xác định số tiền phân chia khoản thu tiền sử dụng đất từ các dự án cho ngân sách các cấp theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại khoản 2 Điều này trong Thông báo nộp tiền sử dụng đất và gửi Kho bạc nhà nước thực hiện thu theo quy định.

4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các xã về đích nông thôn mới theo kế hoạch.

Chương III PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

⁽¹⁾ Đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm: giáo dục trung học phổ thông, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác thuộc cấp tỉnh quản lý; các hoạt động sự nghiệp đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học - công nghệ, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình và các hoạt động y tế khác;

d) Các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin, bao gồm: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hoá khác do cấp tỉnh quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác cấp tỉnh quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

- Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

- Hoạt động kiến thiết thị chính;

- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

- Các hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam*);

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trung tâm xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của pháp luật;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp tỉnh quản lý.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản các Chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm: giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông dân tộc nội trú, bổ túc văn hoá các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp huyện quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ gồm: các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ; hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin: Chi các hoạt động bảo tồn, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp huyện quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế do cấp huyện quản lý:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường được tỉnh phân cấp quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác được tỉnh phân cấp quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên được tỉnh phân cấp quản lý;

- Hoạt động kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác;

- Các hoạt động kinh tế khác được tỉnh phân cấp.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện (*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân*);

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trung tâm xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện bảo đảm theo quy định của pháp luật;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên;

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp huyện thực hiện.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp huyện.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa

vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chi thường xuyên

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội theo phân cấp:

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã;

c) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (*không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ*);

d) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã;

đ) Chi hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao;

e) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

g) Chi các hoạt động kinh tế, bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

- Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã;

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam*) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (*nếu có*).

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (*không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả*); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, chi trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp xã thực hiện theo phân cấp.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã./.